

BẢNG TÍNH SỐ LIỆU TIỀN NƯỚC KTX NHÀ K6 NĂM 2015

Tháng 7 năm 2015

TT	Số phòng	Số HS ở phòng	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số dư	Đơn giá (11.500* 10%)	Thành tiền	Ghi chú
1	101	4	464	468	4	12.650	50.600	
2	102	8	553	569	16	12.650	202.400	
3	103	6	880	899	19	12.650	240.350	
4	104	7	528	538	10	12.650	126.500	
5	105	7	940	950	10	12.650	126.500	
6	106	7	781	799	18	12.650	227.700	
7	107	PSHC				12.650	0	
8	108					12.650	0	
9	109	8	906	914	8	12.650	101.200	
10	110	8	624	638	14	12.650	177.100	
11	111	8	734	748	14	12.650	177.100	
12	112	8	862	875	13	12.650	164.450	
13	113	8	861	871	10	12.650	126.500	
14	114	5	879	889	10	12.650	126.500	
15	201	7	1141	1155	14	12.650	177.100	
16	202	2 Lào	923	941	18	12.650	227.700	
17	203	4 Lào	1.064	1106	42	12.650	531.300	
18	204	8	697	703	6	12.650	75.900	
19	205	5	954	959	5	12.650	63.250	
20	206	0	912	920	8	12.650	101.200	
21	207	7	958	968	10	12.650	126.500	
22	208	1 CPC	649	659	10	12.650	126.500	
23	209	8	883	901	18	12.650	227.700	
24	210	4 CPC	1416			12.650	0	
25	211	7	1073	1096	23	12.650	290.950	
26	212	2 CPC	790	827	37	12.650	468.050	
27	213	8	1038	1061	23	12.650	290.950	
28	214	8	596	609	13	12.650	164.450	
29	301	4 Lào	695	720	25	12.650	316.250	
30	302	5	855	876	21	12.650	265.650	
31	303	8	829	838	9	12.650	113.850	
32	304	8	878	888	10	12.650	126.500	
33	305	7	675	683	8	12.650	101.200	
34	306	8	795	802	7	12.650	88.550	
35	307	PSHC				12.650	0	
36	308					12.650	0	
37	309	8	770	786	16	12.650	202.400	
38	310	7	794	802	8	12.650	101.200	

39	311	8		963	976	13	12.650	164.450	
40	312	7		746	758	12	12.650	151.800	
41	313	7		698	710	12	12.650	151.800	
42	314	8		888	901	13	12.650	164.450	
43	401	6		634	648	14	12.650	177.100	
44	402	7		687	702	15	12.650	189.750	
45	403	8		735	745	10	12.650	126.500	
46	404	7		512	522	10	12.650	126.500	
47	405	6		600	606	6	12.650	75.900	
48	406	7		636	649	13	12.650	164.450	
49	407	7		635	643	8	12.650	101.200	
50	408	7		572	575	3	12.650	37.950	
51	409	3	Lào	811	832	21	12.650	265.650	
52	410	8		667	681	14	12.650	177.100	
53	411	8		0	6	6	12.650	75.900	
54	412	8		724	739	15	12.650	189.750	
55	413	8		581	596	15	12.650	189.750	
56	414	4		606	614	8	12.650	101.200	
57	501	0		453	454	1	12.650	12.650	
58	502	6		342	347	5	12.650	63.250	
59	503	8		361	369	8	12.650	101.200	
60	504	3		500	504	4	12.650	50.600	
61	505	6		542	550	8	12.650	101.200	
62	506	6		487	497	10	12.650	126.500	
63	507	0		517	522	5	12.650	63.250	
64	508	4		549	558	9	12.650	113.850	
65	509	8		463	478	15	12.650	189.750	
66	510	8		367	378	11	12.650	139.150	
67	511	7		385	396	11	12.650	139.150	
68	512	5		445	455	10	12.650	126.500	
69	513	7		603	613	10	12.650	126.500	
70	514	8		592	599	7	12.650	88.550	
	Cộng	410				799		10.107.350	

(Bảng chữ: Mười triệu một trăm linh bảy nghìn ba trăm năm mươi đồng)

PHÒNG QUẢN TRỊ PV TT DV TỔNG HỢP TỔ KÝ TÚC XÁ NGƯỜI ĐỌC SỐ NGƯỜI LẬP
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG PHÓ GIÁM ĐỐC

ThS. Ngô Xuân Hoà ThS. Lê Xuân Hưng Trần Xuân Nam Dương Văn Thanh Trần Thị Hà